**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2026/DS-ST

Ngày: 21-7-2026

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thuý Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hơn

2. Ông Huỳnh Hiếu Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2026/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Phương H, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1974 và bà Lê Ngọc H1, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Văn bản uỷ quyền đề ngày 09/3/2026.

Bà H, ông H2 có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025; lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên toà của bà Võ Thị Phương H có nội dung:*

Bà yêu cầu ông Lê Văn T và bà Lê Ngọc H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu là:

- Tiền nợ gốc: 600.000.000 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 08/7/2025 đến ngày xét xử là ngày 21/7/2026, mức lãi 1.66%/tháng, số tiền: 124.000.000 đồng (đồng ý bớt số tiền lẻ, tính tròn 124.000.000 đồng).

Đồng ý trừ 2.000.000 đồng tiền lãi/02 ngày vay đã nhận của bà H1. Tổng cộng vốn, lãi yêu cầu: 724.0000.000 đồng - 2.000.000 đồng = 722.000.000 đồng.

Về lý do khởi kiện: Do quen biết nên ngày 08/7/2025, bà có cho bà H1 vay số tiền 600.000.000 đồng, nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 02 ngày sẽ trả lại, lãi suất 2% (đã nhận số tiền 2.000.000 đồng do bà Trần Thị T1 đưa), có lập "Giấy mượn tiền". Ngày 10/7/2025, bà có yêu cầu bà H1 trả nhưng bà H1 hẹn thêm 02 ngày nữa vì đang thực hiện thủ tục vay tiền lại tại ngân hàng. Đến ngày 12/7/2025, bà H1 tiếp tục xin hẹn thêm 01 tháng nhưng chưa trả được khoản tiền nào. Do số tiền bà H1 vay là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H1 với ông T nên buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng trả.

** Bà Lê Ngọc H1 và ông Lê Văn T trình bày trong quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Thanh H2 trình bày tại phiên toà:*

Bà H1 và ông T thừa nhận vào ngày 08/7/2025, bà H1 có vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng để trả tiền đáo hạn vay ngân hàng. Bà H1 có trả cho bà H 2.000.000 đồng tiền lãi (đưa cho bà Trần Thị T1 và bà Trần Thị T1 đưa lại cho bà H; còn 6.000.000 đồng đưa cho bà Trần Thị T1 là để trả tiền môi giới cho người khác, không yêu cầu xem xét), hứa 01 hay 02 ngày đáo hạn ngân hàng được sẽ trả. Tuy nhiên, do ngân hàng chưa giải ngân và bà H1, ông T chưa vay được nên chưa

trả lại số tiền 600.000.000 đồng cho bà H. Số tiền này là nợ chung của vợ chồng bà H1, ông T. Nay bà H1, ông T thừa nhận nợ tiền của bà H như bà H yêu cầu, đồng ý trả tiền vốn và tiền lãi nhưng đề nghị tính mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 08/7/2025 đến khi xét xử do hai bên có tranh chấp về mức lãi. Tuy nhiên, do số tiền này có liên quan đến 01 vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc khác mà Toà án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đang giải quyết nên bà H1 và ông T chưa đồng ý trả tiền cho bà H.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

*Về thủ tục tố tụng:* Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của BLTTDS; Điều 463, 466 BLDS; Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T, bà H1 liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 598.664.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức 1.66%/tháng. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

***[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Võ Thị Phương H, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Trong đó xác định bà Võ Thị Phương H là nguyên đơn, bà Lê Ngọc H1 và ông Lê Văn T là bị đơn (ông Nguyễn Thanh H2 là người đại diện theo uỷ quyền); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

***[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:***

*[2.1]. Đối với số tiền 600.000.000 đồng mà bà Võ Thị Phương H yêu cầu:*

Phía bị đơn là bà Lê Ngọc H1, ông Lê Văn T thừa nhận có vay và có nhận số tiền 600.000.000 đồng của bà H nhưng cho rằng do bà H1 và ông T đang bị người khác khởi kiện tranh chấp hợp đồng đặt cọc có liên quan đến số tiền 600.000.000 đồng vay của bà H nên chưa đồng ý trả nợ như phía nguyên đơn bà H yêu cầu.

*Hội đồng xét xử xét thấy:* Bà H1, ông T thừa nhận bà H1 có ký tên vào "Giấy mượn tiền", ngày 08/7/2025 để vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng và sử dụng vào mục đích trả nợ chung của vợ chồng nên xác định đây là sự việc có thật, bà H không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà H1, ông T cho rằng số tiền 600.000.000 đồng này khi thực hiện vay tiền thì không liên quan đến vụ kiện tranh chấp hợp đồng đặt cọc do bà Trần Thị P khởi kiện nhưng do số tiền của hợp đồng đặt cọc là tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng mà bà H cho vay nên chờ kết quả giải quyết vụ án với bà Trần Thị P thì mới đồng ý trả tiền cho bà H. Bà H không thừa nhận nội dung này, cho rằng không quen biết và không liên quan gì đến vụ kiện của bà Trần Thị P. Xét thấy lời trình bày này của bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong "Giấy mượn tiền", ngày 08/7/2025 do bà H cung cấp cũng không thể hiện bà H1, ông T có thoả thuận đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H. Toà án đã thu thập chứng cứ liên quan đến vụ án do bà Trần Thị P khởi kiện mà bà H1 và ông T trình bày nhưng không đủ căn cứ xác định số tiền 600.000.000 đồng này có liên quan đến vụ án đó. Đồng thời, việc giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt cọc là giữa đương sự khác với bà H1, ông T; trường hợp bà H1 và ông T cho rằng không có thoả thuận đặt cọc để chuyển nhượng đất sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh trong vụ án đó. Giao dịch đặt cọc xác lập sau và hoàn toàn độc lập với giao dịch tiền vay giữa bà H với bà H1, ông T. Ngoài lời trình bày, bà H1 và ông T không

cung cấp được chứng cứ khác chứng minh nên lời nại này là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, việc bà H yêu cầu bà H1, ông T trả số tiền vay còn thiếu mà không chờ kết quả giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bà H1 và ông T cho rằng số tiền 600.000.000 đồng này có liên quan đến bà Trần Thị T1: Bà T1 trình bày bà chỉ là người làm chứng việc bà H cho bà H1 và ông T vay số tiền 600.000.000 đồng, có nhận từ bà H1 6.000.000 đồng về đưa cho người tên N (không thông tin cụ thể) là người môi giới và nhận 2.000.000 đồng tiền lãi về đưa cho bà H; ngoài ra bà T1 còn cho bà H1 vay tiền (không yêu cầu giải quyết trong vụ án này). Xét thấy bà H cùng người đại diện theo uỷ quyền của bà H1, ông T đều thừa nhận bà H1 có đưa cho bà T1 số tiền lãi 2.000.000 đồng và bà T1 đã đưa lại cho bà H, ngoài ra không đủ căn cứ chứng minh số tiền vay 600.000.000 đồng có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà T1 nên chỉ xác định bà T1 là người làm chứng trong vụ án.

Do bà H1 và ông T là vợ chồng, việc thoả thuận vay tiền là để trả nợ chung của vợ chồng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận, bà H yêu cầu bà H1 và ông T liên đới trả số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[2.2]. Đối với việc bà Võ Thị Phương H yêu cầu trả lãi chậm trả từ ngày 08/7/2025 đến ngày xét xử, mức lãi suất 1.66%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Do các bên có thoả thuận 02 ngày kể từ ngày vay bà H1, ông T sẽ trả tiền vay cho bà H, nhưng quá thời hạn không trả tiền, bà H yêu cầu trả lãi chậm trả của số tiền vốn chưa thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy, trong "Giấy mượn tiền" ghi *"thời hạn trả: 02 ngày (lãi suất 2%)"*, bà H cho rằng lãi suất 2% là tính lãi của 02 ngày vay (tức 1%/ngày), xét mức lãi suất này vượt quá quy định của pháp luật. Trên thực tế, bà H1 đã trả cho bà H 2.000.000 đồng tiền lãi của 02 ngày vay (tức tương ứng 0.16%/ngày), số tiền lãi này cũng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2025 nên phải xem xét lại. Đồng thời xét thấy mức lãi suất ghi trong "Giấy mượn tiền" và

mức lãi suất của số tiền lãi mà bà H thực nhận từ bà H1 là không thống nhất với nhau, bà H không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh mức lãi suất thực tế các bên đã thoả thuận là bao nhiêu. Nay bà H1 và ông T không đồng ý trả lãi 1.66%/tháng như bà H yêu cầu mà chỉ đồng ý trả 0.83%/tháng. Do các bên không thống nhất về mức lãi suất đã thoả thuận và có tranh chấp về tiền lãi, quá trình giao dịch các bên cũng không có thoả thuận mức lãi trong trường hợp chậm trả tiền nên mức lãi suất chậm trả được chấp nhận trong vụ án này là 10%/năm, tương ứng 0.83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể: Trường hợp này, tiền lãi nguyên đơn yêu cầu được tính: 600.000.000 đồng x 0.83%/tháng x  12 tháng 13 ngày (từ 08/7/2025 đến ngày 21/7/2026, trong đó lãi trong hạn từ ngày 08/7/2025 đến ngày 09/7/2025 và lãi quá hạn từ ngày 10/7/2025 đến ngày 21/7/2026) = 61.918.000 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi (trong hạn, quá hạn) là: 600.000.000 đồng + 61.918.000 đồng = 661.918.000 đồng.

Khấu trừ 2.000.000 đồng tiền lãi mà bà H1, ông T đã trả cho bà H, buộc bà H1, ông T phải liên đới trả cho bà H tổng số tiền là: 659.918.000 đồng.

Về tiền lãi chậm trả trong quá trình thi hành án được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu của bà H đối với số tiền chênh lệch không được chấp nhận: 722.000.000 đồng - 659.918.000 đồng = 62.082.000 đồng.

Bà H1, ông T phải liên đới chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả tiền cho bà H.

Bà H phải chịu tiền án phí đối với số tiền bị bác yêu cầu.

Các bên không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

***[3].*** Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phù hợp 01 phần nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Phương H.

Cụ thể tuyên:

[1]. Buộc bà Lê Ngọc H1 và ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Phương H tổng số tiền vay còn thiếu là 659.918.000 đồng (sáu trăm năm mươi chín triệu chín trăm mười tám nghìn đồng). Trong đó: Số tiền gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 08/7/2025 đến ngày 21/7/2026, mức lãi suất 0.83% là: 59.918.000 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm mười tám nghìn đồng).

[2]. Bác yêu cầu của bà Võ Thị Phương H đối với số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện là: 62.082.000 đồng (sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Lê Ngọc H1 và ông Lê Văn T phải liên đới nộp 30.396.700 đồng (ba mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

Buộc bà Võ Thị Phương H phải nộp 3.104.000 đồng (ba triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 14.796.960 đồng (mười bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010896, ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà Võ Thị Phương H số tiền 11.692.960 đồng (mười một triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thuý Hằng**